

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS - ST
Ngày: 24-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các hội thẩm nhân dân : Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 136/2021/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX - HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Chu Thị T, sinh 1996 tại thôn xxx, xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ĐKKHKT: thôn xxx, xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Quang H và bà Nguyễn Thị N; có chồng Tăng Văn D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04-11-2021, tạm giam ngày 05-11-2021 tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1999 tại xxx, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư xxx, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Đoàn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04-11-2021, tạm giam ngày 05-11-2021 tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Chị Ngụy Thị Ng, sinh năm 1995; địa chỉ: Số xxx, đường Hữu Nghị, khu dân cư Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên toà*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu xxx, phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương(vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác: Chị Đào Thị U (người làm chứng, vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Thị T và Nguyễn Thị L là bạn cùng thuê nhà trọ ở khu dân cư Trần Hưng Đạo. Chiều ngày 23-12-2020 do không phải đi làm Chu Thị T, Nguyễn Thị L đến quán làm móng của chị **Nguyễn Thị Ng** ở nhà số 68, đường Hữu Nghị, khu dân cư Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương chơi. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị Ng cho con là cháu **Nguyễn Huy Khánh, sinh năm 2018** chơi chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng, bản quốc tế, dung lượng 256gb, bên trong lắp sim Viettel số 0973134413 của mình, do điện thoại hết pin nên chị Ng để chiếc điện thoại ở trên sàn nhà, giữa máy xoá sẫm và bàn làm móng. Sau đó chị Ng và L vào trong phòng ngủ dọn dẹp phòng, chị Ng nhờ T trông con hộ. Thấy không có ai nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. T đi đến chỗ để chiếc điện thoại dùng tay lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần sau đang mặc rồi đi về phòng trọ ở **đằng sau quán làm móng của chị Ng ở cùng địa chỉ**. Vào phòng T giấu dưới gối trên giường ngủ của mình chiếc điện thoại trộm cắp được. Sau đó T quay lại tiếp tục trông con cho chị Ng đến 18 giờ cùng ngày T, L cùng đi về phòng trọ. Đến 19 giờ cùng ngày T kể với L việc trộm điện thoại của chị Ng giấu dưới gối, L bảo T mang trả điện thoại nhưng T không trả. Sau đó L bàn với T là đem đi bán lấy tiền, T đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 24-12-2020 T và L đi xe buýt, trên đường đi L tháo sim điện thoại vứt đi không nhớ địa điểm vứt và xoá ảnh, xoá tin nhắn trong điện thoại đến quán mua bán, sửa chữa điện thoại Anh Đức Mobile địa chỉ khu dân cư Trung Tâm, phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bán cho anh Phùng Văn Đ là chủ quán được 6.000.000 đồng (anh Đức không biết chiếc điện thoại trên là phạm tội mà có), ba ngày sau anh Đ bán chiếc điện thoại trên cho một người không rõ nhân thân, lý lịch. Số tiền bán điện thoại T, L cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Sau khi phạm tội T, L bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã; Nguyễn Thị L ra đầu thú và bị bắt tạm giữ ngày 04-11-2021, Chu Thị T bị bắt tạm giam ngày 04-11-2021.

Kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG ngày 30-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Chí Linh kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng, bản quốc tế, dung lượng 256gb, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 23-12-2020, có trị giá là 12.000.000đồng; chi phí làm lại sim điện thoại Viettel số 0973134431, tại thời điểm ngày 23-12-2020 là 25.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.025.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-CL ngày 23-12-2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Chu Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, .

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Do thiếu nhận thức về pháp luật ham hưởng lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Chu Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Chu Thị T phải bồi thường cho chị Nguy Thị Ng số tiền 6.000.000đ ; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định, bị cáo Chu Thị T phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng, do nhận thức pháp luật hạn chế nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ

kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23-12-2020 tại quán làm móng của chị Nguyễn Thị Ng số nhà 68, đường Hữu Nghị, khu dân cư Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Chu Thị T lợi dụng sơ hở đã có hành vi chiếm đoạt của chị Ng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng, bản quốc tế, dung lượng 256gb, bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0973134413 có tổng giá trị là 12.025.000đ.

Khoảng 06 giờ ngày 24-12-2020 sau khi biết T trộm cắp được điện thoại, Nguyễn Thị L bàn với T đem điện thoại đi bán lấy tiền chi tiêu. Sau đó L cùng với T đi đến quán mua bán, sửa chữa điện thoại Anh Đức Mobile địa chỉ khu dân cư Trung tâm, phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bán cho anh Phùng Văn Đ chủ quán được 6.000.000đ rồi cùng nhau chi tiêu hết.

Hành vi của bị cáo Chu Thị T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã thực hiện. Lợi dụng sơ hở của bị hại trong khi quản lý tài sản bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Biết tài sản do bị cáo T chiếm đoạt hai bị cáo vẫn mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi phạm tội các bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Do vậy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, trừng trị các bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo L tự nguyện ra đầu thú, tự nguyện bồi thường số tiền 6.025.000đ cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị L nên bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, không có thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi lại được trả cho bị hại. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 12.025.000đ giá trị chiếc điện thoại và chi phí làm lại sim điện thoại, bị cáo Nguyễn Thị L đã tự nguyện nhờ gia đình bồi thường số tiền 6.025.000đ. Bị hại yêu cầu bị cáo Chu

Thị T bồi thường số tiền 6.000.000đ là phù hợp với quy định theo Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Chu Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 ; Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Chu Thị T 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 04-11-2021

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15 (*mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 04-11-2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Chu Thị T phải bồi thường cho chị Ngụy Thị Ng số tiền 6.000.000đ.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Chu Thị T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của

mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT TP. Chí Linh;
- Bộ phận nghiệp vụ công an TP. Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA thành phố Chí Linh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng